TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2019/HSST
Ngày: 19-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diện

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Thành Dũng

Bà Phạm Thị Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 254/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đầu Tuấn A; sinh năm 1990 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: số 28/65 đường P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đầu Xuân T và bà: Hoàng Thị Minh P; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 14-6-2019; có mặt.

- *Bị hại*: Công ty trách nhiệm hữu hạn H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H; sinh năm 1966, nơi cư trú: Số 132 đường H, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Đoàn Thị H; bà Nguyễn Thị C; bà Đỗ Thị H; bà Nguyễn Thị Kim D; ông Vũ Văn Đ; bà Phạm Thị T, bà Vũ Thị H; ông Nguyễn Văn N; ông Đặng Văn T; bà Nguyễn Thị L; bà Nguyễn Thị H; bà Đặng Thị H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu Tuấn A là nhân viên Công ty trách nhiệm hữu hạn H, được Công ty ký hợp đồng lao động số 02-04/HĐLĐ từ ngày 01/10/2018. A được giao nhiệm vụ giao hàng bánh, nước ngọt, cà phê và một số thực phẩm khác cụ thể: hàng ngày nhận "phiếu đặt/giao hàng" cùng lượng hàng hóa tương ứng với số hàng đã đặt trong phiếu từ chị Bùi Thị H, sinh năm: 1988, trú tại: 9/6/482 V, phường M, thành phố N, là kế toán của Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Sau đó A theo xe ô tô do anh Vũ Quang H, sinh năm: 1987, trú tại: số 121/703 đường T, phường H, thành phố N điều khiển đến các đại lý trên địa bàn tỉnh Nam Định để giao hàng, thu tiền hàng. Nếu các chủ đại lý nợ lại tiền hàng thì phải trực tiếp xác nhận và ký tên trên phiếu đặt/giao hàng. Đến cuối ngày sau khi đã giao hàng xong A phải bàn giao lại số hàng chưa giao được, số phiếu đặt hàng và số tiền hàng thu được cho bộ phận kế toán của Công ty.

Trong thời gian làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn H từ ngày 28-11-2018 đến ngày 19-12-2019, A nhận thấy một số đại lý sau khi nhận hàng nhưng nợ lại tiền hàng chưa thanh toán chỉ cần lập chứng từ xác nhận nợ để nhân viên giao hàng nộp về cho Công ty theo dõi. A đã có hành vi khai khống 12 hóa đơn nợ tiền hàng của 12 đại lý trên địa bàn tỉnh Nam Định để chiếm đoạt tổng số tiền 75.411.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Ngày 28-11-2018: A giao hàng cho đại lý Tiến Cúc của bà Nguyễn Thị C tại thị Trấn C, huyện H, tỉnh N. Sau khi giao hàng xong, bà Nguyễn Thị C đã thanh toán đầy đủ cho A tổng số tiền hàng là 3.194.000 đồng. Trên đường về Công ty trách nhiệm hữu hạn H, A đã nảy sinh ý định lập khống chứng từ, kê khai khống việc đại lý Tiến Cúc nhận đủ hàng đặt nhưng nợ lại tiền hàng chưa thanh toán và không nộp số tiền đã thu được của đại lý Tiến Cúc nhằm chiếm đoạt số tiền này. Để tránh việc bị Công ty trách nhiệm hữu hạn H phát hiện, A đã nhờ một người đàn ông bán nước ven đường (không rõ lai lịch) viết nội dung "ngày 27-11-2018 Cô C còn nợ lại 3.194.000 (ba triệu một trăm chín mươi tư nghìn) đồng" và ký tên "C" bên dưới rồi nộp lại cho bộ phận kế toán của Công ty và thông báo về việc đại lý Tiến Cúc nợ lại tiền hàng. Số tiền 3.194.000 đồng thu được từ đại lý Tiến Cúc, A đã chi tiêu cá nhân hết.

- Ngày 02-12-2018**,** A đi giao hàng và nhận 5.181.000 đồng tiền hàng của bà Đỗ Thị H là chủ đại lý Tâm Hạnh tại xã X, huyện T, tỉnh Nam Định; nhận 6.033.000 đồng của bà Vũ Thị H là chủ đại lý Sơn Huệ tại xã Xuân Hòa, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; nhận 4.293.000 đồng của ông Nguyễn Văn N là chủ đại lý Nga Nhiên tại thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định. Trên đường về Công ty trách nhiệm hữu hạn H, A đã tự ghi "Chưa thanh toán" vào phiếu đặt/giao hàng của đại lý Tâm Hạnh, "Nhận đủ hàng chưa thanh toán" của đại lý Sơn Huệ, "nhận

đủ hàng, chưa thanh toán" của đại lý Nga Nhiên. Sau đó A đã giữ lại tổng số tiền 15.507.000 đồng thu được từ ba đại lý trên rồi nộp lại cho bộ phận kế toán của Công ty số phiếu đặt/giao hàng đã kê khai khống và thông báo về việc ba đại lý trên nợ lại số tiền hàng trên.

- Ngày 06-12-2018: Sau khi đi giao hàng và nhận 7.140.000 đồng tiền hàng của bà Nguyễn Thị Kim D là chủ đại lý Dung Quang tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định). Trên đường về Công ty trách nhiệm hữu hạn H, A tiếp tục nhờ người đàn ông bán nước, không rõ lai lịch viết nội dung "Ngày 05-12-2018 cô D Q nợ 7.140.000 đồng, nước bé 20 chai + nước to 10 chai" và ký tên Nguyễn Thị Kim D vào phiếu đặt/giao hàng đại lý Dung Quang. Sau đó A đã giữ lại số tiền 7.140.000 đồng thu được từ đại lý Dung Quang và nộp lại cho bộ phận kế toán của Công ty phiếu đặt/giao hàng đã kê khai khống và thông báo về việc đại lý Dung Quang nợ lại số tiền hàng trên.

- Ngày 07-12-2018*:* A đi giao hàng và nhận 5.075.000 đồng tiền hàng của bà Phạm Thị T là chủ đại lý Đại Trang tại xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định và số tiền 10.150.000 đồng của ông Đặng Văn T là chủ đại lý Trình Lụa tại xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định). Trên đường về Công ty trách nhiệm hữu hạn H, A đã tự ghi "Nhận đủ chưa thanh toán" vào phiếu đặt/giao hàng đại lý Đại Trang, "chưa thanh toán" của đại lý Trình Lụa. Sau đó A đã giữ lại tổng số tiền 15.225.000 đồng thu được từ hai đại lý rồi nộp lại cho bộ phận kế toán của Công ty phiếu đặt/giao hàng đã kê khai khống và thông báo về việc đại lý Đại Trang, Trình Lụa nợ lại số tiền hàng trên.

- Ngày 17-12-2018*:* A đi giao hàng và nhận 3.288.000 đồng tiền hàng của bà Nguyễn Thị H là chủ đại lý Khải Huệ tại xã N, huyện T, tỉnh Nam Định. Trên đường về Công ty trách nhiệm hữu hạn H, A đã tự viết nội dung "chưa thanh toán" vào phiếu đặt/giao hàng đại lý Khải Huệ. Sau đó A đã giữ lại số tiền 3.288.000 đồng thu được từ đại lý Khải Huệ rồi nộp lại cho bộ phận kế toán của Công ty phiếu đặt/giao hàng đã kê khai khống và thông báo về việc đại lý Khải Huệ nợ lại số tiền hàng trên.

- Ngày 18-12-2018*:* Sau khi đi giao hàng và nhận 6.580.000 đồng tiền hàng của bà Phạm Thị T là chủ đại lý Tuấn Thảo tại xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. Trên đường về Công ty trách nhiệm hữu hạn H, A đã tự viết nội dung "nhận đủ hàng, chưa thanh toán" vào phiếu đặt/giao hàng đại lý Tuấn Thảo. Sau đó A đã giữ lại số tiền 6.580.000 đồng thu được từ đại lý Tuấn Thảo rồi nộp lại cho bộ phận kế toán của Công ty phiếu đặt/giao hàng đã kê khai khống và thông báo về việc đại lý Tuấn Thảo nợ lại số tiền hàng trên.

- Ngày 19-12-2018: A đi giao hàng và nhận 14.340.000 đồng tiền hàng của bà Nguyễn Thị L là chủ đại lý Sửu Là tại thị Trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định, số tiền 6.863.000 đồng tiền hàng của bà Đặng Thị H là chủ đại lý Thu Hoài tại chợ Chùa, huyện N, tỉnh Nam Định, số tiền 3.274.000 đồng tiền hàng của bà Đoàn Thị Hoa là chủ đại lý Hoa Vũ tại Chợ Chùa, huyện Nam T, tỉnh Nam Định. Trên

đường về Công ty, A sử dụng một phiếu đặt/giao hàng trống của Công ty trách nhiệm hữu hạn H rồi điền đầy đủ thông tin giống các thông tin phiếu đặt/giao hàng công ty Sửu Là đặt mua hàng ngày 18-12-2019 sau đó tự ghi nội dung "nhận đủ hàng, chưa thanh toán" vào phiếu. Đối với phiếu đặt, giao hàng của đại lý Thu Hoài, A tự ghi nội dung "chưa T2", đại lý Hoa Vũ tự ghi nội dung "cô Vũ chưa T2". Sau đó A giữ lại tổng số tiền 24.477.000 đồng thu được từ ba đại lý trên rồi nộp lại cho bộ phận kế toán của Công ty phiếu đặt/giao hàng đã kê khai khống và thông báo về việc đại lý Sửu Là, Thu Hoài, Hoa Vũ nợ lại số tiền hàng trên.

- Ngày 12-01-2019, trong quá trình kiểm kê công nợ bán hàng của Công ty trách nhiệm hữu hạn H xác định trên tuyến giao hàng của A còn nợ 12 đơn hàng chưa thanh toán với tổng số tiền là 75.411.000 đồng. Công ty đã yêu cầu A đi thu hồi nợ nhưng A không thực hiện. Sau đó Công ty đã cử nhân viên xuống các đại lý trên để thu hồi tiền hàng còn nợ nhưng tất cả các đại lý đều xác nhận đã trả đầy đủ tiền hàng cho A và xác nhận các chữ viết, chữ ký nhận đủ hàng chưa thanh toán trên các phiếu phiếu đặt/giao hàng không phải do các chủ đại lý viết. Công ty đã yêu cầu A giải trình, A đã xác nhận nội dung ghi nhận nợ trên 12 hóa đơn, phiếu đặt/giao hàng trên là do A tự kê khai khống và xác nhận nội dung: "Tôi A số nhà 28/65 P - Nam Định. Tôi đã kê khống hóa đơn tiền nợ của khách hàng. Do tôi đã tiêu hết tiền và bảo khách là nợ. Vì tôi một phần là mất hàng một phần là tiêu. Tôi hứa sẽ thanh toán cho cô chú đầy đủ" trên mặt sau phiếu đặt/giao hàng ngày 18-12-2018 của đại lý Thu Hoài và nội dung " Tôi A nhận nợ số tiền âm 61.243,0 (sáu mốt triệu hai trăm bốn ba nghìn) A - 036090009314 - 28/65 P - thành phố N. Tôi xin khất hẹn đến 30 cuối tháng 1 sẽ giả hết cho cô chú H số tiền trên" trên sổ giao hàng. Nhưng sau đó A vẫn không trả số tiền trên cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

Ngày 05-4-2019 ông Nguyễn Mạnh H là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Huy H đã đến trụ sở Công an thành phố Nam Định để trình báo sự việc

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã tiến hành triệu tập đối với A và anh Vũ Quang H. Tại Cơ quan điều tra A đã khai nhận toàn bộ nội dung sự việc như trên và khai việc các đại lý thanh toán tiền hàng cho A chỉ có A và các chủ đại lý biết. Hai bên không ký cũng không viết trên bất kỳ sổ sách gì thể hiện việc thanh toán số tiền trên. Toàn bộ số tiền 75.411.000 đồng chiếm đoạt được của Công ty trách nhiệm hữu hạn H, A đã sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân. Anh Vũ Quang H khai chỉ chở A đến các đại lý và phụ giúp A bốc, xếp hàng hóa xuống các đại lý rồi ra xe ngồi đợi, việc thanh toán tiền hàng giữa A và chủ đại lý anh H không biết và cũng không tham gia. Ông Nguyễn Mạnh H là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn H yêu cầu A bồi thường cho Công ty toàn bộ số tiền 75.411.000 đồng, hiện A chưa bồi thường số tiền này.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã thu giữ 01 sổ giao hàng cùng 12 chứng từ, phiếu đặt/giao hàng do A tự lập, kê khai khống và

trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên các tài liệu đã thu tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định.

Bản kết luận giám định số 451/KLGĐ-PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận:

+ Chữ viết, chữ ký trên 12 phiếu đặt/giao hàng không phải là do chủ 12 đại lý ký, viết.

+ Chữ viết "nhận đủ hàng", "chưa thanh toán" trên 10 phiếu đặt/giao hàng cùng chữ ký, chữ viết đứng tên A trên 10 phiếu đặt/giao hàng và 02 đơn tự kê là do A ký và viết.

+ Chữ ký, chữ viết: "Tôi A số nhà 28/65 P - Nam Định. Tôi đã kê khống hóa đơn tiền nợ của khách hàng. Do tôi đã tiêu hết tiền và bảo khách là nợ. Vì tôi một phần là mất hàng một phần là tiêu. Tôi hứa sẽ thanh toán cho cô chú đầy đủ" trên mặt sau phiếu đặt/giao hàng ngày 18/12/2018 của đại lý Thu Hoài; nội dung "Tôi A nhận nợ số tiền âm 61.243,0 (sáu mốt triệu hai trăm bốn ba nghìn) A - 036090009314 - 28/65 P - thành phố N. Tôi xin khất hẹn đến 30 cuối tháng 1 sẽ giả hết cho cô chú H số tiền trên" và chữ ký, chữ viết đứng tên A trên sổ giao hàng là do A viết.

Bản Cáo trạng số 256/CT-VKSTPNĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố A về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với tình tiết định khung quy định tại khoản a khoản 1 của Điều luật.

Tại phiên toà, bị cáo A khai: Sau khi nhận tiền do các chủ đại lý trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H, bị cáo đã giả mạo chữ ký, chữ viết của các chủ đại lý nội dung ký nhận nợ để chiếm đoạt tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn H số tiền 75.411.000 đồng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H số tiền 75.411.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 75.411.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: A có ký hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn H, có nhiệm vụ nhận "phiếu đặt/giao hàng" cùng lượng hàng hóa tương ứng với số hàng đã đặt trong phiếu đến các đại lý trên địa bàn tỉnh Nam Định để giao hàng, thu tiền hàng và thanh toán với bộ phận kế toán của Công ty. Từ ngày 28-11-2018 đến ngày 19-12-2018, A đã 07 lần giao hàng cho các chủ đại lý và nhận đủ tiền hàng do các chủ đại lý trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H; bị cáo đã giả mạo chữ viết, chữ ký của các chủ đại lý trong các hóa đơn với nội dung nợ lại tiền hàng để nộp hóa đơn lại cho Công ty, chiếm đoạt tiền để chi tiêu cá nhân. Như vậy, A đã nhận được tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn H bằng hình thức hợp đồng rồi có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tổng số tiền 75.411.000 đồng. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý; do đó bị cáo đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn H, đồng thời làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội của địa phương. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 07 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị trên hai triệu đồng, do đó phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội hai lần trở lên" quy định tại g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ông Nguyễn Mạnh H là người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 75.411.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt. Yêu cầu của bị hại phù hợp với quy định tại Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; do đó cần buộc bị cáo bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

[6] Đối với các đối tượng đã giúp A kê khai khống chứng từ lên giấy nợ, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ xác định nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra, xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo A phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Đầu Tuấn A 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 14-6-2019.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Đầu Tuấn A bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H số tiền 75.411.000 (bảy mươi lăm triệu bốn trăm mười một nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty trách nhiệm hữu hạn H có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo Đầu Tuấn A phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.771.000 (ba triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Đầu Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là Công ty trách nhiệm hữu hạn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Công ty trách nhiệm hữu hạn H, bị cáo Đầu Tuấn A có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diện